SỞ Y TẾ THANH HOÁ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HUYỆN YÊN ĐỊNH

Số 260 /CB-BVYĐ
V/v Công bố cơ sở đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong khối ngành đào tạo khối ngành sức khoẻ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Định, ngày 15 tháng 03 năm 2024

BẢN TỰ CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe

Kính gửi: Sở Y tế Thanh Hoá

Tên cơ sở công bố: **Bệnh viện Đa khoa Huyện Yên Định**
Giấy phép hoạt động: 1352/TH-GPHĐ
Địa chỉ: thôn Tân Ngữ, xã Định Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
Chịu trách nhiệm chuyên môn: **Bs CKII: Phạm Văn Bằng**
Điện thoại liên hệ: 0966.131.212
Email (nếu có): benhviendkyendinh@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 111/2017/NĐ-CP ngày 5 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe, cơ sở công bố đã đáp ứng yêu cầu để tổ chức thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. **Các ngành/chuyên ngành đào tạo thực hành:** (Phụ lục 1)

- Điều dưỡng
- Hộ sinh
- Kỹ thuật Phục hồi chức năng
- Kỹ thuật xét nghiệm y học
- Kỹ thuật hình ảnh y học
- Dược
- Y sỹ đa khoa
- Y sỹ học cổ truyền

2. Trình độ đào tạo thực hành: Đại học, Cao đẳng, Trung cấp (Phụ lục 1)

- Điều dưỡng: Đại học, cao đẳng
- Hộ sinh: Đại học, cao đẳng
- Kỹ thuật phục hồi chức năng: Cao đẳng
- Kỹ thuật xét nghiệm y học: Đại học, cao đẳng
- Kỹ thuật hình ảnh y học: Đại học, Cao đẳng

Scanned with CamScanner

- Dược: Đại học, cao đẳng
- Bác sỹ đa khoa, Cao đẳng Y sỹ đa khoa
- Cao đẳng/ trung cấp Y sỹ học cổ truyền

3. Số lượng người đào tạo thực hành tối đa (bao gồm tất cả các trình độ) (Phụ lục 1): 1112 người.

4. Danh sách người giảng dạy thực hành đáp ứng yêu cầu: (Phụ lục 2)

5. Danh sách các khoa phòng tổ chức thực hành và số giường bệnh tại mỗi khoa phòng

STT	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)
1.	**Khoa Hệ nội**	**23**		**96**	**288**
	Cấp cứu	6		12	**36**
	Khoa Nội TH	10		60	**180**
	Khoa Truyền Nhiễm	7		24	**72**
2	**Khoa Ngoại - CK**	**18**		**67**	**201**
3	Khoa Sản	22		42	**126**
4	Khoa Nhi	22		40	**120**
5	Khoa Đông Y - PHCN	14		35	**105**
7	Khoa Dược	**8**		**0**	**0**
8	Khoa Xét nghiệm	**9**		**0**	**0**
9	Khoa Chẩn đoán hình ảnh	**6**		**0**	**0**
	TỔNG	**122**	**1185**	**280**	**840**

6. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành (Phụ lục 03)

7. Chương trình đào tạo thực hành đạt yêu cầu theo Điều 4 của Nghị định 111/NĐ- CP (Có phụ lục kèm theo)

Cơ sở cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT, KH (02).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BÌNH ĐỊNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN YÊN ĐỊNH

Phạm Văn Bằng

Scanned with CamScanner

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN YÊN ĐỊNH

Phụ lục 1

THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH TẠI CƠ SỞ KHÁM BỆNH CHỮA BỆNH
NĂM 2024

1. TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG – TRUNG CẤP

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 15)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	6720301	Cao đẳng	**Điều dưỡng**	Lâm sàng Nội, truyê nhiễm	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nội khoa	Cấp cứu, Nội tổng hợp	8	120	36	108		108
				Lâm sàng Ngoại	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Ngoại khoa	Ngoại	5	75	20	60		60
				Sản khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Sản khoa	Sản	4	60	7	21		21
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nhi khoa	Nhi	4	60	10	30		30
	Tổng 1						**21**	**315**	**73**	**219**		**219**
2	6720303	Cao đẳng	**Hộ sinh**	Sản khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Sản khoa	Sản	5	75	7	21	0	21
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nhi khoa	Nhi	4	60	5	15	0	15
	Tổng 2						**9**	**135**	**12**	**36**	**0**	**36**
3	6720101	Cao	**Y sỹ đa**	Lâm sàng Nội	Thực hành lâm sàng	Cấp cứu,			20	60	0	60

Scanned with CamScanner

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 15)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
	5720101	đẳng/ trung cấp	**khoa**	nhiễm	bệnh học Nội khoa	Nội tổng hợp,	4	60				
				Lâm sàng Ngoại	Thực hành lâm sàng bệnh học Ngoại khoa	Ngoại	4	60	15	45	0	45
				Sản khoa	Thực hành lâm sàng bệnh học Sản khoa	Sản	3	45	7	21	0	21
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng bệnh học Nhi khoa	Nhi	4	60	10	30	0	30
	Tổng 3						**15**	**225**	**52**	**156**	0	**156**
4	6720201	Cao đẳng	**Dược**	**Dược LS** Thực tập TN	Dược LS Thực tập TN	Khoa Dược	**5**	**75**	**0**	**0**	0	**75**
	Tổng 4						**5**	**75**	**0**	**0**	0	**75**
5	**6720102 / 5720102**	Cao đẳng/ Trung cấp	**Y sĩ y học cổ truyền**	Lâm sàng đông y-phcn	Thực hành LS YHCT, LS bệnh học y học hiện đại Thực hành LS Kiểm soát nhiễm khuẩn	Đông y – Phcn	10	150	17	51	0	51
	Tổng 5						**10**	**150**	**17**	**51**	**0**	**51**
6	6720601	Cao đẳng	**Kỹ thuật hình ảnh y học**	Lâm sàng V1, V2, Thực tập TN	KT Siêu âm chẩn đoán KT Chụp XQ KT chụp CLVT - CHT Quản lý khoa XQ	Chẩn đoán hình ảnh	6	90	0	0	0	105

Scanned with CamScanner

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 15)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
	Tổng 6						**6**	**90**	**0**	**0**	**0**	**105**
7	6720603	Cao đẳng	Kỹ thuật phục hồi chức năng	LS Đông Y LS PHCN	LS PHCN LS VĐTL; Ngôn ngữ trị liệu LS Kiểm soát nhiễm khuẩn	Đông y - PHCN	4	60	7	21	0	21
	Tổng 7						**4**	**60**	**7**	**21**	**0**	**21**
8	6720602	Cao đẳng	**Kỹ thuật xét nghiệm y học**	Lâm sàng V1, V2, Thực tập TN Ls Huyết học Hóa sinh Vi sinh – KST	Ls Huyết học Hóa sinh Vi sinh – KST	Xét nghiệm	9	135	0	0	0	135
	Tổng 8						**9**	**135**	**0**	**0**	**0**	**135**
	Tổng chung						**79**	**1185**	**161**	**483**	**0**	**798**

2. TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC:

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 10)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm

Scanned with CamScanner

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 10)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	7720301	Đại học	**Điều dưỡng đa khoa**	Lâm sàng Nội nhiễm	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nội khoa	Cấp cứu, Nội 1, nội 2, Lão	5	50	20	60	0	50
				Lâm sàng Ngoại	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Ngoại khoa	Ngoại	4	40	18	54	0	40
				Ls Sản khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Sản khoa	Sản	4	40	7	21	0	21
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nhi khoa	Nhi	3	30	5	15	0	15
	Tổng 1						**16**	**160**	**50**	**150**	**0**	**126**
2	7720303	Đại học	**Hộ sinh**	LS Sản khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Sản khoa	Sản	3	30	7	21		21
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng điều dưỡng Nhi khoa	Nhi	3	30	5	15	0	15
	Tổng 2						**6**	**60**	**12**	**36**	**0**	**36**
3	7720201	Đại học	**Dược**	Dược LS	Dược LS	Khoa Dược	3	30	0	0	0	30

Scanned with CamScanner

STT	Mã đào tạo	Trình độ	Ngành/chuyên ngành	Môn học/học phần/ Tín chỉ	Nội dung	Tên khoa/đơn vị thực hành	Số lượng NGD đạt yêu cầu ở khoa/đơn vị	Số lượng người học TH tối đa theo NGD (x 10)	Số giường tại khoa đạt yêu cầu TH	Số lượng người học TH tối đa theo giường (x 3)	Số lượng đang học	Số lượng có thể nhận thêm
	Tổng 3						**3**	**30**	**0**	**0**	**0**	**30**
4	7720101		**Bác sỹ đa khoa**	Lâm sàng Nội nhiễm	Thực hành lâm sàng bệnh học Nội khoa	Cấp cứu, Nội 1, nội 2, Lão	6	60	20	60		60
				Lâm sàng Ngoại	Thực hành lâm sàng bệnh học Ngoại khoa	Ngoại	5	50	18	54		50
				Sản khoa	Thực hành lâm sàng bệnh học Sản khoa	Sản	3	30	7	21		7
				Lâm sàng Nhi khoa	Thực hành lâm sàng bệnh học Nhi khoa	Nhi	4	40	5	15		5
	Tổng 4						**18**	**180**	**50**	**150**	**0**	**122**
	Tổng chung						**43**	**430**	**112**	**336**	**0**	**314**

Scanned with CamScanner

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN YÊN ĐỊNH

Phụ lục 2

DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Chi tiết theo danh sách từng người giảng dạy để minh chứng cho số lượng tại cột số 8 ở Phụ lục 1)

1. CAO ĐẲNG ĐIỀU DƯỠNG

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Trịnh Thị Hương	Bác sỹ	Đa khoa	017782/TH-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nội – truyền nhiễm – HSCC Thực tập tốt nghiệp	Nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, và các bệnh nội khoa khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn,Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, … Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch,ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục	Nội khoa – Truyền nhiễm –Cấp cứu	36
2.	Nguyễn Thị Nhàn	Điều dưỡng	Đa khoa	14080/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
3.	Lê Thị Hằng	Điều dưỡng	Đa khoa	006429/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				

Scanned with CamScanner

4.	Nguyễn Thị Phương	Điều dưỡng	Đa khoa	006408/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm		sức khỏe …		
5.	Trịnh Thị Duyên	Điều dưỡng	Đa khoa	012126/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
6.	Nguyễn Thị Giang	Điều dưỡng	Đa khoa	006406/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
7.	Đỗ Ngọc Lưu	Điều dưỡng	Đa khoa	013429/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
8.	Nguyễn Thị Hằng	Điều dưỡng	Đa khoa	006404/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
9.	Lê Xuân Hưng	Điều dưỡng	Đa khoa	006383/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Ngoại Thực tập tốt nghiệp	Khám chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương thông thường Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa …	Khoa ngoại	20
10.	Đinh Thị Nhung	Điều dưỡng	Đa khoa	14366/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
11.	Lê Thị Hồng Loan	Điều dưỡng	Đa khoa	006500/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
12.	Lê Văn Hoàng	Điều dưỡng	Đa khoa	012147/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
13.	Nguyễn Thị Huyền Thương	Điều dưỡng	Đa khoa	006382/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
14.	Lê Thị Thúy	Hộ sinh viên	Sản phụ khoa	012142/TH-CCHN	Hộ sinh viên	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Sản Thực tập tốt nghiệp	Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ…. Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua	KHoa Sản	7
15.	Trần Thị Hằng	Hộ sinh viên	Sản phụ khoa	012141/TH-CCHN	Hộ sinh viên	> 5 năm				

Scanned with CamScanner

16.	Phạm Thị Thanh	Hộ sinh viên	Sản phụ khoa	007409/TH-CCHN	Hộ sinh viên	> 5 năm		đường TD…		
17.	Lê Thị Luyện	Điều dưỡng	Đa khoa	006335/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
18.	Vũ Thị Nguyệt	Bác sỹ	Đa khoa	019933/TH-CCHN	KCB đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nhi Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp ….và các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, … Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch,ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khoẻ	Khoa Nhi	10
19.	Nguyễn Thị Thủy	Điều dưỡng	Đa khoa	012128/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
20.	Lê Thị Quyên	Điều dưỡng	Đa khoa	016933/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
21.	Nguyễn Thị Hường	Điều dưỡng	Đa khoa	016925/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
	TỔNG									

2. CAO ĐẲNG Y SỸ ĐA KHOA

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành

Scanned with CamScanner

1.	Đỗ Thị Linh	Bác sỹ	BSĐK	017784/ TH-CCHN	KCB đa khoa	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Nội - – truyền nhiễm – HSCC Thực tập tốt nghiệp	KHÁM, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, và các bệnh nội khoa khác Xử trí Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn,Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, … Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch,ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe …	Nội khoa – Truyền nhiễm –Cấp cứu	20
2.	Trương Thị Thanh Huyền	Bác sỹ	BSĐK	017639/ TH-CCHN	KCB đa khoa	> 5 năm				
3.	Nguyễn Đình Nhân	Bác sỹ	BSĐK	017574/ TH-CCHN	KCB đa khoa	> 5 năm				
4.	Nguyễn Anh Tuấn	Bác sỹ	BSĐK	001095/ TH-CCHN	KCB đa khoa	> 5 năm				
5.	Lương văn Linh	Bác sỹ	BSĐK	017573/ TH-CCHN	KCB đa khoa	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Ngoại Thực tập tốt nghiệp	Khám chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương thông thường Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa …	Khoa ngoại	15
6.	Nguyễn Bá Dũng	Bs	BSĐK	019086/ TH-CCHN	KCB đa khoa	> 15 năm				
7.	Nguyễn Xuân Hùng	Bs	Đa khoa	15140/TH-CCHN	KCB Ngoại khoa	> 5 năm				
8.	Nguyễn Văn Toàn	Bác sỹ	BSĐK	000548/ TH-CCHN	KCB đa khoa	> 5 năm				
9.	Nguyễn Thị Hồng Vân	Bác sỹ	BSĐK	016891/ TH-CCHN	KCB Đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Bệnh học	KHÁM, chẩn đoán, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ,	KHoa Sản	7

Scanned with CamScanner

10.	Trương Thị Thanh	Bác sỹ	Đa khoa	017621/ TH-CCHN	Nội khoa	> 5 năm	Sản Thực tập tốt nghiệp	chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD…		
11.	Trịnh Thị Hương	Bác sỹ	Đa khoa	006410/ TH-CCHN	Đa khoa	> 5 năm				
12.	Nguyễn Thị Thơm	Bác sỹ	Đa khoa	016890/ TH-CCHN	KCB đa khoa	> 10 năm	Lâm sàng Bệnh học Nhi Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp ….và các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, … Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch,ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khoẻ	Khoa Nhi	10
13.	Trần Thị Huyền Trang	Điều dưỡng	Đa khoa	016931/ TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
14.	Phạm Hà Giang	Điều dưỡng	Đa khoa	012111/ TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				
15.	Trịnh Xuân Tuấn	Điều dưỡng	Đa khoa	012149/ TH-CCHN	Điều dưỡng	> 5 năm				

3. CAO ĐẲNG HỘ SINH

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.			BS Sản	15139/TH-	KCB	> 5		KHÁM, chẩn đoán,	Khoa	7

Scanned with CamScanner

	Nguyễn Tuấn Anh	Bác sỹ	phụ khoa	CCHN	Sản phụ khoa	năm	Lâm sàng Sản vòng 2. 3 … Thực tập tốt nghiệp	điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ…. Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD…	Sản	
2.	Nguyễn Thị Diễm Thúy	Hộ sinh	Hộ sinh	4272/QB-CCHN	Hộ sinh	> 5 năm				
3.	Nguyễn Thị Hương	Hộ sinh	Hộ sinh	006334/TH-CCHN	Hộ sinh	> 5 năm				
4.	Đỗ Thị Ngọc Anh	Hộ sinh	Hộ sinh	14027/TH-CCHN	Hộ sinh	> 10 năm				
5.	Bùi Thạch Ly	Hộ sinh	Hộ sinh	006338/TH-CCHN	Hộ sinh	> 10 năm				
6.	Lê Quỳnh Hương	Bác sỹ	BSĐK	019076/TH-CCHN	Nội nhi	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nhi Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp ….và các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, … Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch,ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khoẻ	Khoa Nhi	5
7.	Lưu Thị Huyền	Điều dưỡng	Đ D	012110/TH-CCHN	Đ D	> 5 năm				
8.	Nguyễn Thùy Linh	Điều dưỡng	Đ D	012155/TH-CCHN	Đ D	> 5 năm				
9.	Lại Thị Thu	Điều dưỡng	Đ D	012152/TH-CCHN	Đ D	> 5 năm				

4. CAO ĐẲNG DƯỢC

Scanned with CamScanner

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Lê Thị Tuyến	Dược sỹ ĐH	Dược	2514/TH-CCHND	Dược	> 10 năm	Dược lâm sàng Thực tập Tốt nghiệp	Thực hành Dược lâm sàng, Tra cứu TT thuốc, SD thuốc, Báo cáo ca LS, … Tư vấn sử dụng thuốc Dự trù thuốc Bảo quản thuốc….	Dược	0
2.	Lê Thị Phương Châm	Dược sĩ ĐH	Dược	2516/TH-CCHND	Dược	> 5 năm			Dược	
3.	Lê Thị Hiền	Dược sỹ CĐ	Dược	2517/TH-CCHND	Dược	> 5 năm			Dược	
4.	Trịnh Việt Yến	Dược sỹ CĐ	Dược	5565/CCHN-D-SYT-TH	Dược	> 5 năm			Dược	
5.	Dương Thị Dung	Dược sỹ CĐ	Dược	2520/TH-CCHND	Dược	> 5 năm			Dược	

5. CAO ĐẲNG/ TRUNG CẤP Y HỌC CỔ TRUYỀN

Scanned with CamScanner

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Trịnh Thị Hồng Nhung	Bác sỹ	YHCT, PHCN	15697/TH-CCHN	PHCN – YHCT	> 5 năm	Y học cổ truyền LS bệnh học y học hiện đại	Thực hành LS YHCT, LS bệnh học y học hiện đại Thực hành LS Kiểm soát nhiễm khuẩn	PHCN Đông Y	17
2.	Trịnh Thị Trang	Điều dưỡng	Đa khoa	008301/TH-CCHN	PHCN – Đa khoa	> 5 năm				
3.	Trịnh Ngọc Tiến	Điều dưỡng	YHCT	016924/TH-CCHN	PHCN	> 5 năm				
4.	Lê Thị Duyên	Điều dưỡng	YHCT	016923/TH-CCHN	YHCT	> 5 năm				
5.	Hoàng Thái Hùng	Bác sỹ CKI	YHCT,PHCN	012158/TH-CCHN	YHCT, PHCN	> 5 năm				
6.	Đỗ Thị Như Quỳnh	Bác sỹ CKI	YHCT	012135/TH-CCHN	YHCT	> 5 năm				
7.	Vũ Thị Anh	Điều dưỡng	YHCT	016932/TH-CCHN	YHCT	> 5 năm				

Scanned with CamScanner

8.	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	KTV	YHCT	006356/TH-CCHN	YHCT	> 5 năm				
9.	Lê Thị Dịu	KTV	YHCT	006357/TH-CCHN	YHCT	> 5 năm				
10.	Vũ Thị Thủy	Điều dưỡng	YHCT	006371/TH-CCHN	YHCT	> 5 năm				

6. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT HÌNH ẢNH Y HỌC

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Lê Thị Lan	CKI Trưởng khoa	CĐHA	012113/TH-CCHN	CĐHA	năm	LS vòng 1. 2.3 Thực tập Tốt nghiệp	KT Siêu âm chẩn đoán KT Chụp XQ KT chụp CLVT - CHT Quản lý khoa XQ	CĐHA	0
2.	Nguyễn Thị Kiều Trang	Bác sỹ	CĐHA	017783/TH-CCHN	CĐHA	> 10 năm				

Scanned with CamScanner

3.	Trịnh Hồng Hiến	KTV	CĐHA	012116/TH-CCHN	CĐHA	> 5 năm				
4.	Phạm Văn Thức	KTV	CĐHA	14497/TH-CCHN	CĐHA	> 5 năm				
5.	Lê Văn Nam	KTV	CĐHA	006960/BD-CCHN	CĐHA					
6.	Lưu Thế Dũng	KTV	CĐHA	006392/TH-CCHN	CĐHA					

7. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú...	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Trịnh Hồng Nhung	Bác sỹ	YHCT,PHCN	14651/TH-CCHN	Phục hồi chức năng	> 10 năm	Lâm sàng Phục	Thực hành lâm sàng Phục hồi chức năng, Vận động trị liệu, hoạt động trị	PHCN-Đông Y	18

Scanned with CamScanner

2.	Nguyễn Thị Kim Hà	Bác sỹ	YHCT,PHCN	017638/TH-CCHN	Phục hồi chức năng	> 10 năm		liệu,…. Ngôn ngữ trị liệu Thực hành lâm sàng Kiểm soát nhiễm khuẩn		
3.	Trương Văn Dương	KTV	PHCN	006364/TH-CCHN	Phục hồi chức năng	> 5 năm				
4.	Vũ Văn Tân	KTV	PHCN	006365/TH-CCHN	Phục hồi chức năng	> 5 năm				

8. CAO ĐẲNG KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Nguyễn Thị Ngọc	Bác sỹ	Huyết học	14078/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 5 năm	Lâm sàng V2, 3; Thực tập TN Huyết học	Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm: Công thức máu, Huyết đồ, tuỷ đồ, cách nhận định kết quả, phân tích sai hỏng về kết quả huyết học và các kỹ thuật cao. Thực hiện thành thạo các kỹ thuật xét nghiệm sinh hoá, định tính,	Xét nghiệm	0
2.	Trịnh Minh Anh	KTV	Huyết học	012118/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 5 năm				
3.	Vũ Thị Nga	KTV	KTV XN	012117/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 5 năm				

Scanned with CamScanner

4.	Lê Thị Dương	KTV	KTV XN	006342/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 5 năm		định lượng các xét nghiệm sinh hoá …		
5.	Nguyễn Anh Dũng	KTV	KTV XN	011924/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 5 năm				
6.	Hoàng Thị Thảo	KTV	KTV XN	13536/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 5 năm				
7.	Trịnh Thị Hường	KTV	KTV XN	015980/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 5 năm				
8.	Nguyễn Thị Thoa	Đ D V	KTV XN	012154/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 5 năm				
9.	Dương Thị Thu Hà	KTV	KTV XN	006345/TH-CCHN	Xét nghiệm	> 5 năm				

9. ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành

Scanned with CamScanner

			đào tạo							
1.	Phạm Văn Bằng	Bác sỹ CKII Giám đốc	Nội khoa	004382/TH-CCHN	Nội khoa	> 10 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nội – truyền nhiễm – HSCC Thực tập tốt nghiệp	Nhận định tình trạng người bệnh, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp, và các bệnh nội khoa khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn,Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, … Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch,ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe …	Nội khoa – Truyền nhiễm –Cấp cứu	20
2.	Nguyễn Thị Quế	Bác sỹ CKI	Nội khoa	006366/TH-CCHN	Nội khoa	> 10 năm				
3.	Nguyễn Thị Thu Phương	Bác sỹ	Đa khoa	017623/TH-CCHN	Đa khoa	> 10 năm				
4.	Lê Thị Thương	Điều dưỡng	Đa khoa	012130/TH-CCHN	Điều dưỡng	> 15 năm				
5.	Lưu Thị Thuyên	Điều dưỡng	Đa khoa	006370/TH-CCHN	Đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Ngoại Thực tập tốt nghiệp	Khám chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương thông thường Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa …	Khoa ngoại	18
6.	Lê Thị Loan	Bác sỹ	Đa khoa	14500/TH-CCHN	Đa khoa	> 5 năm				
7.	Trịnh Thu Thảo	Điều dưỡng	Đa khoa	002604/TH-CCHN	Đa khoa	> 5 năm				
8.	Vũ Thị Lý	Điều dưỡng	Đa khoa	006390/TH-CCHN	Đa khoa	> 5 năm				
9.	Trương Thị Hà Phương	Bác sỹ	Đa khoa	017640/TH-CCHN	Đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Sản Thực tập tốt nghiệp	Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ…. Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua	Khoa Sản	7
10.	Trịnh Thị Lưu	Điều dưỡng viên	Sản phụ	006333/TH-CCHN	ĐD ĐK	> 5 năm				

Scanned with CamScanner

			khoa					đường TD…		
11.	Lê Thị Lợi	Sản phụ khoa	Sản phụ khoa	006340/TH-CCHN	Sản phụ khoa	> 5 năm				
12.	Phạm Thị Tình	Điều dưỡng viên	Đa khoa	012143/TH-CCHN	ĐD ĐK	> 5 năm				
13.	Đào Thị Lý	Bác sỹ CKI	Nhi khoa	006367/TH-CCHN	Nhi khoa	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nhi Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp ….và các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, … Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch,ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khoẻ.	Khoa Nhi	5
14.	Phạm Thị Hương	Điều dưỡng CKI	Đa khoa	006396/TH-CCHN	ĐD ĐK	> 5 năm				
15.	Lưu Thị Liên	Điều dưỡng	Đa khoa	0002007/LĐ-CCHN	ĐD ĐK	> 5 năm				

10. ĐẠI HỌC DƯỢC

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành

Scanned with CamScanner

1.	Phạm Văn Thiên	Dược sỹ CKI	Dược	4117/CCHN-D-SYT-TH	Dược	năm	**Dược lâm sàng Thực tập Tốt nghiệp**	Thực hành Dược lâm sàng, Tra cứu TT thuốc, SD thuốc, Báo cáo ca LS, … Tư vấn sử dụng thuốc Dự trù thuốc Bảo quản thuốc….	Dược	**0**
2.	Nguyễn Văn Dương	Dược sĩ ĐH	Dược	1753/TH-CCHND	Dược	> 5 năm			Dược	
3.	Nguyễn Hữu Đạt	Dược sỹ ĐH	Dược	5566/CCHN-D-SYT-TH	Dược	> 5 năm			Dược	

11. ĐẠI HỌC HỘ SINH

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Lê Thị Phương	BS	Sản	006423/TH-CCHN	KCB Sản phụ khoa	> 10 năm	Lâm sàng Sản vòng 2. 3 … Thực tập tốt nghiệp	KHÁM, chẩn đoán, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ…. Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD…	Khoa Sản	7
2.	Nguyễn Thị Hảo	Bác sỹ CKI	Sản phụ khoa	006373/TH-CCHN	KCB Sản phụ khoa	> 10 năm				
3.	Nguyễn Thị Hằng	Hộ Sinh	Sản phụ	006339/TH-CCHN	Sản phụ	> 10 năm				

Scanned with CamScanner

			khoa		khoa					
4.	Nguyễn Danh Lâm	BSCK1	Sản phụ khoa	006374/TH-CCHN	KCB Nhi	> 5 năm	Lâm sàng Điều dưỡng Nhi Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, Nhận định, chẩn đoán chăm sóc, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp ….và các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, … Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch,ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khoẻ	Khoa Nhi	5
5.	Lại Đức Tuấn	Điều dưỡng	Đa khoa	012131/TH-CCHN	ĐD Đa khoa	> 5 năm				
6.	Đoàn Thị Hạnh	Điều dưỡng	Đa khoa	006368/TH-CCHN	ĐD Đa khoa	> 5 năm				

12. ĐẠI HỌC BÁC SỸ ĐA KHOA

STT	Họ và tên	Học hàm học vị, Chuyên khoa, nội trú…	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa đạt yêu cầu thực hành	Số giường đạt yêu cầu thực hành
1.	Hồ Thị Hương	Bác sỹ CKI	Nội khoa	006361/ TH-CCHN	Nội khoa	> 5 năm	Lâm sàng Bệnh học	KHÁM, chẩn đoán chăm sóc người bệnh: Tiêu hoá, Hô	Nội khoa –	20

Scanned with CamScanner

							Nội - – truyền nhiễm – HSCC Thực tập tốt nghiệp	hấp, và các bệnh nội khoa khác Xử trí Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn,Tai biến mạch máu não, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, … Thực hiện các KT: Truyền máu, dịch,ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khỏe …	Truyề n nhiễm –Cấp cứu	
2.	Thiều Thị Thủy	Bác sỹ	BSĐK	000967/ TH-CCHN	BSĐK	> 5 năm				
3.	Trịnh Thị Ngọc	Bác sỹ CKI	Nội khoa	012119/ TH-CCHN	BSĐK, Nội khoa	> 5 năm				
4.	Lê Trọng Hoan	Bác sỹ CKI	Truyền nhiễm	006360/ TH-CCHN	Truyền nhiễm	> 5 năm				
5.	Nguyễn Trọng Hùng	Bác sỹ CKI	HSCC	004754/ TH-CCHN	Nội khoa	> 5 năm				
6.	Trịnh Hữu Dũng	Bác sỹ CKI Hồi sức cấp	HSCC	004366/ TH-CCHN18	HSCC	> 5 năm				
7.	Trịnh Minh Toàn	Bác sỹ CKI	Ngoại khoa	006347/ TH-CCHN	Ngoại khoa	> 5 năm	Lâm sàng Bệnh học Ngoại Thực tập tốt nghiệp	Khám chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh ngoại khoa, chấn thương thông thường Thực hiện kỹ thuật Điều dưỡng, cấp cứu Ngoại khoa …	Khoa ngoại	18
8.	Hà Văn Đức	Bác sỹ	BSĐK	14079/TH-CCHN	BSĐK	> 5 năm				
9.	Lê Vân Hạnh	Điều dưỡng	Đa khoa	008205/ TH-CCHN	ĐD Đa khoa	> 5 năm				
10.	Lưu Lan Anh	Điều dưỡng	Đa khoa	006409/ TH-CCHN	ĐD Đa khoa	> 5 năm				

Scanned with CamScanner

11.	Phạm Văn Tuyến	Điều dưỡng	Đa khoa	006402/ TH-CCHN	ĐD Đa khoa	> 5 năm				
12.	Trần Văn Cường	Bác sỹ CKI	Sản khoa	012122/ TH-CCHN	ĐD Đa khoa	> 5 năm	Lâm sàng Bệnh học Sản Thực tập tốt nghiệp	KHÁM, chẩn đoán, điều trị, xử trí, các bệnh lý sản phụ khoa, chuyển dạ, chăm sóc trước, trong và sau đẻ.... Thực hành các KT thủ thuật sản, phụ khoa, Các bệnh lây truyền qua đường TD…	KHoa Sản	7
13.	Lê Thị Tú	Điều dưỡng	ĐD Đa khoa	006431/ TH-CCHN	ĐD Đa khoa	> 5 năm				
14.	Nguyễn Thị Cẩm Phương	Điều dưỡng	ĐD Đa khoa	012153/ TH-CCHN	ĐD Đa khoa	> 5 năm				
15.	Hồ Thị Phương Thảo	Bác sỹ	BSĐK	002295/ TH-CCHN	BSĐK	> 5 năm	Lâm sàng Bệnh học Nhi Thực tập tốt nghiệp	Khám, chẩn đoán, điều trị, xử trí, phòng bệnh trẻ mắc các bệnh: Tiêu hoá, Hô hấp ….và các bệnh nội nhi khác CSBN: Suy hô hấp, Cấp cứu ngừng tuần hoàn, XHTH, ngộ độc, shock phản vệ, … Thực hiện các KT Đ D: Truyền máu, dịch,ghi điện tim, đặt sonde, thở oxy, tiêm truyền, tư vấn, giáo dục sức khoẻ	Khoa Nhi	5
16.	Lê Thị Thùy Linh	Điều dưỡng	ĐD Đa khoa	006380/ TH-CCHN	ĐD Đa khoa	> 5 năm				
17.	Lại Đức Tuấn	Điều dưỡng	ĐD Đa khoa	012131/ TH-CCHN	ĐD Đa khoa	> 5 năm				
18.	Nguyễn Thị Lâm	Điều dưỡng	ĐD Đa khoa	006617/ TH-CCHN	ĐD Đa khoa	> 5 năm				

Scanned with CamScanner

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA YÊN ĐỊNH

Phụ lục 3

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA NỘI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Đại học/Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Nội khoa)

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2	Phòng trực	Phòng	1	
3	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật,hành chính,…)		4	
4	Máy tính	Cái	6	
5	Ống nghe	Cái	5	
6	Đèn đọc phim	Cái	1	
7	Bàn ghế ngồi	Bộ	2	
8	Ghế đơn	Cái	17	
9	Bóng Ambu	Cái	1	
10	Bình Oxy trung tâm	Cái	1	
11	Máy Monitor	Cái	1	
12	Máy ghi điện tim	Cái	2	
13	Máy hút đờm dãi	Cái	1	
14	Giường bệnh	Cái	54	
15	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	5	
16	Xe tiêm, Dựng dụng cụ, thuốc	Cái	6	
17	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	1	
18	Bơm tiêm điện	Cái	2	
19	Nhiệt kế các loại	Cái	2	
20	Hộp chống shock	Cái	5	
21	Cân	Cái	1	
22	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Cái	1	
28	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	43	

Scanned with CamScanner

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN YÊN ĐỊNH

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA SẢN ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Sản khoa)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2	Phòng trực	Phòng	2	
3	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật,hành chính,…)		6	
4	Bàn ghế ngồi	Bộ	2	
5	Ghế đơn	Cái	15	
6	Máy tính	Cái	7	
7	Ống nghe	Cái	3	
8	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
9	Bóng Ambu	Cái	2	
10	Bình Oxy các loại	Cái	Oxy trung tâm	
11	Máy hút đờm rãi	Cái	1	
12	Giường bệnh	Cái	61	
13	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	3	
14	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	1	
15	Xe tiêm	Cái	6	
16	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn các cỡ	Cái	16	
17	Bơm tiêm điện	Cái	0	
18	Nhiệt kế các loại	Cái	1	
19	Hộp chống shock	Cái	3	
20	Cân	Cái	1	
21	Thước đo chiều cao	Cái	2	
22	Kẹp, panh, kéo, kìm, van các loại	Bộ	18	
23	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	61	
24	Bàn khám phụ khoa	Cái	1	
25	Bàn đẻ	Cái	3	

Scanned with CamScanner

26	Bàn làm thủ thuật	Cái	1	
27	Đèn gù	Cái	4	

Scanned with CamScanner

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA NGOẠI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Ngoại khoa)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2	Phòng trực	Phòng	2	
3	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật,hành chính,…)		4	
4	Máy tính	Cái	5	
5	Ống nghe	Cái	1	
6	Đèn đọc phim	Cái	1	
7	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
8	Bàn ghế ngồi	Bộ	2	
9	Ghế đơn	Cái	14	
10	Bóng Ambu	Cái	2	
11	Bình Oxy các loại	Cái	Oxy trung tâm	
13	Giường bệnh	Cái	50	
14	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	2	
15	Cáng, xe đẩy bệnh nhân	Cái	3	
16	Xe tiêm, Dựng dụng cụ, thuốc	Cái	1	
18	Bơm tiêm điện	Cái	1	
19	Nhiệt kế	Cái	1	
20	Hộp chống shock	Cái	2	
21	Cân	Cái	1	
23	Nồi hấp	Cái	5	
24	Các loại nẹp và dụng cụ cố định gãy xương	Bộ	10	
25	Kẹp, panh, kéo, kìm, van các loại	Bộ	10	
27	Bộ tiểu phẫu	Bộ	5	
39	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	41	
30	Bàn làm thủ thuật	Cái	1	
31	Đèn gù	Cái	1	

Scanned with CamScanner

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA NHI ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Đại học/Cao đẳng/Trung cấp điều dưỡng/ lâm sàng Nhi khoa)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số Lượng	Ghi chú
1	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật,hành chính,…)	Phòng	5	
3	Bàn ghế ngồi	Bộ	2	
4	Máy tính	Cái	5	
5	Ống nghe	Cái	3	
6	Đèn đọc phim	Cái	1	
7	Phần mềm quản lý bệnh viện / khoa	Cái	1	
8	Ghế đơn	Cái	10	
9	Bóng Ambu	Cái	1	
10	Máy hút đờm rãi	Cái	1	
11	Giường bệnh	Cái	45	
12	Bộ huyết áp, ống nghe	Cái	2	
13	Xe tiêm	Cái	4	
14	Bơm tiêm điện	Cái	1	
15	Nhiệt kế	Cái	5	
16	Hộp chống shock	Cái	3	
17	Cân	Cái	2	
18	Tủ đầu giường bệnh nhân	Cái	30	

Scanned with CamScanner

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN TÂN ĐỊNH

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA DƯỢC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

(Đại học/ Cao đẳng/Trung cấp Dược)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số Lượng	Ghi chú
1	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2	Phòng trực	Phòng	1	
3	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật,hành chính,…)	Phòng	3	
4	Bàn ghế ngồi	Bộ	2	
5	Máy tính	Cái	5	
6	Ghế đơn	Cái	17	
7	Kho thuốc nội trú	Kho	2	
8	Kho thuốc ngoại trú	Kho	1	
9	Kho vật tư tiêu hao	Kho	1	
10	Kho hóa chất	Kho	1	
11	Tủ lạnh	Cái	2	
12	Tủ bảo quản thuốc: bút tiểu đường, insulin…,	Cái	3	
13	Máy đo độ ẩm	Cái	4	
14	Tủ đựng thuốc	Cái	3	
15	Xe vận chuyển thuốc	Cái	1	

Scanned with CamScanner

BỆNH VIỆN ĐA KHOA KHU VỰC YÊN ĐỊNH

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ
TẠI KHOA XÉT NGHIỆM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
(Cao đẳng Kỹ thuật Xét nghiệm Y học)

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số Lượng	Ghi chú
1	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng		
2	Phòng trực	Phòng	1	
3	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	2	
5	Bàn ghế ngồi	Bộ	2	
6	Máy tính	Cái	5	
7	Bảng viết lớn	Cái	1	
8	Ghế đơn	Cái	10	
9	Máy phân tích huyết học	Cái	5	
10	Máy sinh hóa tự động	Cái	2	
11	Máy đông máu tự động	Cái	1	
12	Máy điện giải đồ	Cái	1	
13	Máy phân tích nước tiểu	Cái	2	
14	Máy li tâm	Cái	2	
15	Kính hiển vi	Cái	4	
16	Tủ mát	Cái	3	
17	Tủ lạnh chuyên dùng	Cái	1	
18	Cân điện tử	Cái	1	
19	Máy máu lắng tự động	Cái	1	
20	Tủ Sấy	Cái	1	
21	Máy HbA1C	Cái	1	
22	Máy miễn dịch	Cái	1	
23	Máy in cốt	Cái	2	
24	Máy đo nồng độ cồn	Cái	1	

Scanned with CamScanner

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số Lượng	Ghi chú
1.	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2.	Phòng trực	Phòng	1	
3.	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	4	
6.	Bàn ghế ngồi	Bộ	2	
7.	Máy tính	Cái	2	
9.	Ghế đơn	Cái	10	
10.	Giường để siêu âm (giường, chiếu, gối, chăn,...)	Cái	3	
11.	Máy chụp X-Quang	Cái	2	
12.	Máy chụp cắt lớp vi tính	Cái	1	
13.	Máy siêu âm màu	Cái	2	
14.	Máy điện tim 6 cần	Cái	1	
15.	Máy điện não	Cái	1	
16.	Máy lưu huyết não	Cái	1	
17.	Đèn đọc phim	Cái	2	
19.	Đầu dò siêu âm 2D, 3D, 4D	Cái	2	

Scanned with CamScanner

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI BÌNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN YÊN ĐỊNH

DANH MỤC CÁC TRANG THIẾT BỊ TẠI KHOA ĐÔNG Y - PHỤC HỒI CHỨC NĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

Stt	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số Lượng	Ghi chú
1	Phòng giao ban tại khoa phòng	Phòng	1	
2	Các phòng chức năng của khoa	Phòng	4	
3	Bàn ghế ngồi	Bộ	17	
4	Bộ dụng cụ đo dấu hiệu sinh tồn	Bộ	6	
5	Bộ dụng cụ tiêm thuốc	Bộ	4	
6	Bộ dụng cụ châm cứu	Bộ	2	
7	Bộ dụng cụ xoa bóp	Bộ	0	
8	Máy sắc thuốc	Máy	3	
9	Máy điện châm	Cái	38	
10	Đèn hồng ngoại	Cái	46	
11	Máy trung tần	Cái	2	
12	Máy xoa bóp toàn thân	Cái	2	
13	Bộ dụng cụ giác hơi	Bộ	1	
14	Xe đạp tập	Cái	1	
15	Máy sóng ngắn	Cái	1	
16	Nồi điện nấu Parafin	Cái	2	
17	Ròng rọc tập	Cái	1	
18	Cầu thang tập đi	Cái	1	
19	Bàn tập đứng	Cái	1	
20	Bộ tạ	Bộ	1	
21	Thanh tập song song	Cái	1	
22	Ghế tập mạnh chân tay	Cái	1	
23	Giường châm cứu	Cái	19	
24	Giường inox	Cái	49	
25	Tủ Đầu giường	Cái	27	
26	Xe Tiêm	Cái	3	
27	Máy đóng túi	Cái	2	
28	Tủ thuốc	Cái	1	

Scanned with CamScanner

SỞ Y TẾ THANH HÓA

BỆNH VIỆN ĐA KHOA YÊN ĐỊNH

Phụ lục bổ sung

Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Ghi chú
1	Phòng hội trường lớn (để học theo lớp)	Phòng	1	200m^2
2	Phòng hội thảo nhỏ (học theo nhóm)	Phòng	2	50 m^2
5	Phòng khách dành cho Giáo viên	Phòng	2	20 m^2
6	Các phòng chức năng của khoa (Phòng TK, phòng tiêm, thủ thuật,hành chính, phòng bó bột, phòng mổ, đẻ…)			Đầy đủ theo quy định của BV hạng 2
7	Bảng viết lớn (Hội trường)	Cái	1	
8	Bảng phụ	Cái	1	
9	Màn chiếu	Cái	1	
10	Máy chiếu	Cái	2	
11	Máy tính	Cái	6	
12	Phần mềm quản lý bệnh viện/khoa	Phần mềm	1	
13	Bàn ghế ngồi	Bộ	50	
14	Ghế đơn	Cái	100	

Scanned with CamScanner